

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/4/2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Bản;

2. Bà Lê Thị Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị D** - Sinh năm 1984.

Trú tại: Khu Phố K, TT B huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lục Văn C** - Sinh năm 1976.

Trú tại: Khu Phố K, TT B huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lục Văn C tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/9/2002. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình

vợ chồng không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, chửi bới, xúc phạm nhau. Mặt khác, đã kết hôn nhiều năm nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung cũng ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng khó giải quyết.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lục Văn C.

Về con chung, chị D trình bày: Chị và anh C có 01 con chung là Lục Văn H - Sinh ngày 09/02/2004. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và đang thực hiện nghĩa vụ quân sự, nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Hoàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Hoàng Thị D còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy xác nhận về nơi cư trú, thẻ căn cước công dân hai vợ chồng (bản sao có chứng thực); biên lai thu tiền tạm ứng án phí và đơn xin xử vắng mặt.

* *Tại văn bản về ý kiến của bị đơn ngày 02/02/2024*, anh Lục Văn C thừa nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị D đã trình bày trình bày. Tuy nhiên anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Về tài sản và công nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được văn bản về ý kiến của bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh C các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo hòa giải; Thông báo hoãn phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

* *Tại các biên bản xác minh ngày 13/3/2024*, ông Lê Văn K, trưởng khu phố K, thị trấn B trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002. Sau khi kết hôn anh C và chị D sống chung tại gia đình khu phố K, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã được khu phố hòa giải nhưng không thành. Nếu chị D kiên quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị D và anh C C có 01 con chung là cháu: Lục Văn H, sinh ngày 09/02/2004. Hiện tại cháu đã trưởng thành và đang đi thực hiện nghĩa vụ quân sự, nếu chị D và anh C ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị D và anh C đang sống chung cùng nhà tại khu phố K, T, N, Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa:* Chị Hoàng Thị D có đơn xin xử vắng mặt. Anh Lục Văn C vắng mặt không có lý do.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

* *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Hoàng Thị D về việc ly hôn. Theo đó, xử cho chị D được ly hôn anh C. Về án phí, đề nghị buộc chị D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Hoàng Thị D có đơn xin xử vắng mặt. Anh Lục Văn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa kèm theo giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng anh C không có mặt theo yêu cầu của Tòa án nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh C.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Lục Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn B), huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/9/2002 nên hôn nhân giữa chị D và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nhau. Mặc dù đã được chính quyền địa phương, gia đình hòa giải nhưng không thành, chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn. Vì vậy, nghĩ nên cho chị D được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị D và anh C có 01 con chung là cháu Lục Văn H - Sinh ngày 09/02/2004, hiện tại cháu H đã đủ 18 tuổi, chị D và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị D, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Hoàng Thị D là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị D, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Lục Văn C.

Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. số tiền án phí chị D phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:00055504 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân

huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND thị trấn Bến Sung.;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Huy